TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 143/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2019
V/v: Ly hôn giữa
Chị H và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Tiến Phương
Bà: Nguyễn Thị Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Kim Cúc – Thư ký TAND huyện Xuân Trường.

- Đại diện VKSND huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXX ST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H – sinh năm 1985
Địa chỉ: xóm 15, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.
Bị đơn: Anh Trần T – sinh năm 1979.
Địa chỉ: xóm 9, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị H, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2019 được bổ sung tại bản khai ngày 26 tháng 6 năm 2019 nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thị H và anh Trần T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 12/01/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn anh Trần T.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Trần Yến N sinh ngày 19/01/2006 hiện cháu N đang ở với anh T. Khi ly hôn chị nhường cho anh T nuôi con vì cháu N lựa chọn ở với bố, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh T mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản, công nợ: chị không yêu cầu Tòa giải quyết. Chị đề nghị Tòa án giải quyết xét xử văng mặt chị.

Bị đơn là anh Trần T cũng có bản khai ngày 05/7/2019 trình bày: anh chị kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 12/01/2004. Anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống và đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng đã tan vỡ không thể hàn gắn đoàn tụ được nhưng nếu ly hôn anh sẽ lỗi luật công giáo nên anh không đến Tòa án làm việc. Anh mong chị H suy nghĩ lại về đoàn tụ, nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh đành chịu và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh và chị H có 01 con chung là Trần Yến N sinh ngày 19/01/2006 hiện đang ở với anh. Khi ly hôn anh xin được nuôi con không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, còn chị H tự nguyện cấp dưỡng như thế nào thì tùy chị ấy. Anh và chị H không có tài sản chung, không nợ nần liên quan kinh tế đến ai nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh đã nhận được các tài liệu chứng cứ do chị H thông báo cho anh trực tiếp và qua đường Bưu điện, đã được Tòa án thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải tại trụ sở Tòa án vào hồi 8 giờ 15 phút ngày 12/7/2019 nhưng anh không đến Tòa làm việc với lý do đã nêu trên. Anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến là trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định tố tụng dân sự. Căn cứ điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ đề nghị giải quyết cho chị H ly hôn anh T. Con chung Trần Yến N sinh ngày 19/01/2006 giao anh T trực tiếp nuôi. Chấp nhận tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng mỗi tháng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.án phí dân sự sơ thẩm chị H nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: chị H và anh T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Chị Đỗ Thị H và anh Trần T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X nên là cuộc hôn nhân hợp pháp. Anh chị mâu thuẫn bất đồng chủ yếu do cách cư xử, quan điểm lối sống của vợ chồng với nhau. Họ đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Chị xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng do ràng buộc giáo lý tôn giáo nên anh không đồng ý ly hôn,

nếu chị quyết tâm ly hôn anh đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy tình cảm vợ chồng phải do anh chị quyết định định đoạt, nhưng chị thì kiên quyết ly hôn anh không có giải pháp níu kéo hôn nhân mà thừa nhận không còn tình cảm, việc không đồng ý ly hôn chỉ là do giáo lý tôn giáo. Do vậy nếu duy trì cuộc hôn nhân này thì mục đích hôn nhân không đạt được chỉ làm họ đau khổ hơn về tinh thần. Vì vậy chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: anh chị có 01 con chung là Trần Yến N sinh ngày 19/01/2006 hiện cháu N đang ở với anh T. Khi ly hôn chị nhường cho anh T nuôi con vì cháu N lựa chọn ở với bố, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh T mỗi tháng 1.500.000 đồng. Anh xin được nuôi con không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, còn chị Hoa tự nguyện cấp dưỡng như thế nào thì tùy chị ấy. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chưa thành niên nên chấp nhận để anh T nuôi con và chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh 1.500.000 đồng mỗi tháng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị Hoa có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản, công nợ đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Trần T.

2. Về con chung: Giao anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Yến N sinh ngày 19/01/2006. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường theo biên lai thu tiền số: 0001551 ngày 17 tháng 6 năm 2019.

Báo cho chị H, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Lưu HS + VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh